

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ**Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội
phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2015.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Linh Ngọc**

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VẤN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Đà Nẵng được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền thành phố Đà Nẵng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh có kèm theo ký hiệu dấu “*” là địa danh thuộc vùng tranh chấp;

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”;

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”;

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”;

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 sử dụng để thống kê địa danh;

g) Trong danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phân đất liền thành phố Đà Nẵng, trường hợp “phường Nam Dương” thuộc quận Hải Châu không có địa danh được chuẩn hóa là do bản đồ địa hình quốc gia sử dụng để thống kê địa danh ở tỷ lệ 1:25000 không đủ dung lượng để biểu thị các địa danh nên chưa thực hiện thống kê, chuẩn hóa.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phân đất liền thành phố Đà Nẵng gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Quận Cẩm Lệ
2	Quận Hải Châu
3	Quận Liên Chiểu
4	Quận Ngũ Hành Sơn
5	Quận Sơn Trà
6	Quận Thanh Khê
7	Huyện Hòa Vang

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu dân cư Hòa An 1	DC	P. Hòa An	Q. Cẩm Lệ	16° 03' 11"	108° 10' 24"					E-49-85-C-d
khu dân cư Hòa An 2	DC	P. Hòa An	Q. Cẩm Lệ	16° 02' 52"	108° 10' 51"					E-49-85-C-d
khu dân cư Hòa An 3	DC	P. Hòa An	Q. Cẩm Lệ	16° 02' 40"	108° 10' 49"					E-49-85-C-d
đường Trường Chinh	KX	P. Hòa An	Q. Cẩm Lệ			16° 03' 47"	108° 10' 37"	16° 00' 05"	108° 11' 20"	E-49-85-C-d
khu dân cư Đông Phước	DC	P. Hòa Phát	Q. Cẩm Lệ	16° 01' 33"	108° 11' 18"					E-49-85-C-d
cầu vượt Hòa Cẩm	KX	P. Hòa Phát	Q. Cẩm Lệ	16° 00' 55"	108° 11' 28"					E-49-85-C-d
tổ dân phố Nghi An	DC	P. Hòa Phát	Q. Cẩm Lệ	16° 02' 02"	108° 11' 09"					E-49-85-C-d
núi Phước Tường	SV	P. Hòa Phát	Q. Cẩm Lệ	16° 01' 43"	108° 09' 46"					E-49-85-C-d
tổ dân phố Phước Tường	DC	P. Hòa Phát	Q. Cẩm Lệ	16° 02' 07"	108° 10' 40"					E-49-85-C-d
đường Trường Chinh	KX	P. Hòa Phát	Q. Cẩm Lệ			16° 03' 47"	108° 10' 37"	16° 00' 05"	108° 11' 20"	E-49-85-C-d
quốc lộ 1A	KX	P. Hòa Thọ Đông	Q. Cẩm Lệ			16° 11' 18"	108° 07' 44"	15° 56' 52"	108° 13' 08"	E-49-85-C-a; E-49-85-C-b; E-49-85-C-c; E-49-85-C-d; D-49-1-A-b
khu dân cư Bình Thái	DC	P. Hòa Thọ Đông	Q. Cẩm Lệ	16° 00' 49"	108° 11' 54"					E-49-85-C-d
đường Cách Mạng Tháng Tám	KX	P. Hòa Thọ Đông	Q. Cẩm Lệ			16° 02' 20"	108° 13' 19"	16° 00' 54"	108° 11' 49"	E-49-85-C-d
cầu Cẩm Lệ	KX	P. Hòa Thọ Đông	Q. Cẩm Lệ	16° 00' 34"	108° 12' 19"					E-49-85-C-d; D-49-1-A-b
sông Cầu Đỏ	TV	P. Hòa Thọ Đông	Q. Cẩm Lệ			15° 59' 40"	108° 09' 43"	16° 01' 04"	108° 12' 46"	E-49-85-C-d
Cầu Đỏ	KX	P. Hòa Thọ Đông	Q. Cẩm Lệ	16° 00' 02"	108° 11' 21"					E-49-85-C-d
cầu vượt Hòa Cẩm	KX	P. Hòa Thọ Đông	Q. Cẩm Lệ	16° 00' 55"	108° 11' 28"					E-49-85-C-d
khu dân cư Phong Bắc	DC	P. Hòa Thọ Đông	Q. Cẩm Lệ	16° 00' 15"	108° 11' 23"					E-49-85-C-d
quốc lộ 14B	KX	P. Hòa Thọ Tây	Q. Cẩm Lệ			16° 07' 25"	108° 12' 41"	15° 56' 00"	108° 07' 52"	E-49-85-C-d; D-49-1-A-b
khu dân cư Cẩm Hòa	DC	P. Hòa Thọ Tây	Q. Cẩm Lệ	15° 59' 55"	108° 09' 39"					E-49-85-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Cầu Đỏ	TV	P. Hòa Thọ Tây	Q. Cẩm Lệ			15° 59' 40"	108° 09' 43"	16° 01' 04"	108° 12' 46"	E-49-85-C-d; D-49-1-A-b
Cầu Đỏ	KX	P. Hòa Thọ Tây	Q. Cẩm Lệ	16° 00' 02"	108° 11' 21"					E-49-85-C-d
khu dân cư Phong Bắc 3	DC	P. Hòa Thọ Tây	Q. Cẩm Lệ	16° 00' 58"	108° 10' 54"					E-49-85-C-d
sông Tuy Loan	TV	P. Hòa Thọ Tây	Q. Cẩm Lệ			15° 59' 55"	108° 05' 09"	15° 59' 40"	108° 09' 43"	E-49-85-C-c; E-49-85-C-d; D-49-1-A-a; D-49-1-A-b
	DC	P. Hòa Thọ Tây	Q. Cẩm Lệ	15° 59' 55"	108° 10' 19"					D-49-1-A-b
Sông Cái	TV	P. Hòa Xuân	Q. Cẩm Lệ			16° 00' 19"	108° 13' 48"	15° 56' 55"	108° 13' 14"	E-49-85-C-d; D-49-1-A-b
sông Cẩm Lệ	TV	P. Hòa Xuân	Q. Cẩm Lệ			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 01' 04"	108° 12' 46"	E-49-85-C-d
khu dân cư Cổ Mân	DC	P. Hòa Xuân	Q. Cẩm Lệ	15° 59' 35"	108° 12' 51"					D-49-1-A-b
bến đò Toàn	TV	P. Hòa Xuân	Q. Cẩm Lệ			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 00' 19"	108° 13' 48"	E-49-85-C-d
khu dân cư Nhơn Hòa	DC	P. Hòa Xuân	Q. Cẩm Lệ	15° 59' 02"	108° 12' 45"					D-49-1-A-b
khu dân cư Tùng Lâm	DC	P. Hòa Xuân	Q. Cẩm Lệ	15° 59' 49"	108° 13' 20"					D-49-1-A-b
đường Cách Mạng Thăng Tâm	KX	P. Khuê Trung	Q. Cẩm Lệ			16° 02' 20"	108° 13' 19"	16° 00' 54"	108° 11' 49"	E-49-85-C-d
cầu Cẩm Lệ	KX	P. Khuê Trung	Q. Cẩm Lệ	16° 00' 34"	108° 12' 19"					E-49-85-C-d
sông Cẩm Lệ	TV	P. Khuê Trung	Q. Cẩm Lệ			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 01' 04"	108° 12' 46"	E-49-85-C-d
cầu Đỏ Xu	KX	P. Khuê Trung	Q. Cẩm Lệ	16° 01' 33"	108° 12' 58"					E-49-85-C-d
đường Nguyễn Hữu Thọ	KX	P. Khuê Trung	Q. Cẩm Lệ			16° 01' 17"	108° 12' 34"	16° 03' 35"	108° 12' 15"	E-49-85-C-d
đường 2-9	KX	P. Bình Hiên	Q. Hải Châu			16° 03' 44"	108° 13' 19"	16° 02' 20"	108° 13' 19"	E-49-85-C-d
Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng	KX	P. Bình Hiên	Q. Hải Châu	16° 03' 40"	108° 13' 06"					E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Bình Hiên	Q. Hải Châu			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 05' 46"	108° 13' 10"	E-49-85-C-d
đường Trần Phú	KX	P. Bình Hiên	Q. Hải Châu			16° 05' 00"	108° 13' 14"	16° 03' 42"	108° 13' 17"	E-49-85-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường Trung Nữ Vương	KX	P. Bình Hiên	Q. Hải Châu			16° 03' 44"	108° 13' 19"	16° 02' 35"	108° 12' 15"	E-49-85-C-d
đường 2-9	KX	P. Bình Thuận	Q. Hải Châu			16° 03' 44"	108° 13' 19"	16° 02' 20"	108° 13' 19"	E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Bình Thuận	Q. Hải Châu			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 05' 46"	108° 13' 10"	E-49-85-C-d
đường Núi Thành	KX	P. Bình Thuận	Q. Hải Châu			16° 03' 20"	108° 13' 06"	16° 01' 46"	108° 13' 14"	E-49-85-C-d
đường Trung Nữ Vương	KX	P. Bình Thuận	Q. Hải Châu			16° 03' 44"	108° 13' 19"	16° 02' 35"	108° 12' 15"	E-49-85-C-d
đường Bạch Đằng	KX	P. Hải Châu I	Q. Hải Châu			16° 05' 00"	108° 03' 14"	16° 03' 44"	108° 13' 19"	E-49-85-C-d
Chợ Hàn	KX	P. Hải Châu I	Q. Hải Châu	16° 04' 10"	108° 13' 18"					E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Hải Châu I	Q. Hải Châu			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 05' 46"	108° 13' 10"	E-49-85-C-d
đường Hùng Vương	KX	P. Hải Châu I	Q. Hải Châu			16° 04' 11"	108° 13' 23"	16° 04' 03"	108° 12' 30"	E-49-85-C-d
đường Lê Duẩn	KX	P. Hải Châu I	Q. Hải Châu			16° 04' 23"	108° 13' 23"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d
đường Lê Lợi	KX	P. Hải Châu I	Q. Hải Châu			16° 04' 55"	108° 13' 02"	16° 04' 21"	108° 13' 07"	E-49-85-C-d
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	P. Hải Châu I	Q. Hải Châu			16° 04' 52"	108° 13' 05"	16° 03' 54"	108° 13' 08"	E-49-85-C-d
đường Quang Trung	KX	P. Hải Châu I	Q. Hải Châu			16° 04' 36"	108° 13' 20"	16° 04' 28"	108° 12' 39"	E-49-85-C-d
đường Trần Phú	KX	P. Hải Châu I	Q. Hải Châu			16° 05' 00"	108° 13' 14"	16° 03' 42"	108° 13' 17"	E-49-85-C-d
đường Hùng Vương	KX	P. Hải Châu 2	Q. Hải Châu			16° 04' 11"	108° 13' 23"	16° 04' 03"	108° 12' 30"	E-49-85-C-d
đường Lê Duẩn	KX	P. Hải Châu 2	Q. Hải Châu			16° 04' 23"	108° 13' 23"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d
đường 2-9	KX	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu			16° 03' 44"	108° 13' 19"	16° 02' 20"	108° 13' 19"	E-49-85-C-d
quảng trường 29-3	KX	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu	16° 02' 31"	108° 13' 16"					E-49-85-C-d
đường 30-4	KX	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu			16° 02' 26"	108° 12' 34"	16° 02' 30"	108° 13' 12"	E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 05' 46"	108° 13' 10"	E-49-85-C-d
khu dân cư Nam Sơn	DC	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu	16° 02' 46"	108° 13' 12"					E-49-85-C-d
cầu Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu	16° 03' 08"	108° 13' 38"					E-49-85-C-d
đường Núi Thành	KX	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu			16° 03' 20"	108° 13' 06"	16° 01' 46"	108° 13' 14"	E-49-85-C-d
cầu Tiên Sơn	KX	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu	16° 02' 11"	108° 14' 03"					E-49-85-C-d
đường Tổng Phước Phổ	KX	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu			16° 03' 05"	108° 12' 07"	16° 03' 01"	108° 13' 13"	E-49-85-C-d
cầu Trần Thị Lý	KX	P. Hòa Cường Bắc	Q. Hải Châu	16° 03' 05"	108° 13' 38"					E-49-85-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường Cách Mạng Thăng Tâm	KX	P. Hòa Cường Nam	Q. Hải Châu			16° 02' 20"	108° 13' 19"	16° 00' 54"	108° 11' 49"	E-49-85-C-d
sông Cẩm Lệ	TV	P. Hòa Cường Nam	Q. Hải Châu			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 01' 04"	108° 12' 46"	E-49-85-C-d
cầu Đồ Xu	KX	P. Hòa Cường Nam	Q. Hải Châu	16° 01' 33"	108° 12' 58"					E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Hòa Cường Nam	Q. Hải Châu			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 05' 46"	108° 13' 10"	E-49-85-C-d
đường Núi Thành	KX	P. Hòa Cường Nam	Q. Hải Châu			16° 03' 20"	108° 13' 06"	16° 01' 46"	108° 13' 14"	E-49-85-C-d
cầu Tiên Sơn	KX	P. Hòa Cường Nam	Q. Hải Châu	16° 02' 11"	108° 14' 03"					E-49-85-C-d
khu dân cư Tiên Sơn 2	DC	P. Hòa Cường Nam	Q. Hải Châu	16° 02' 05"	108° 13' 02"					E-49-85-C-d
đường 2-9	KX	P. Hòa Thuận Đông	Q. Hải Châu			16° 03' 44"	108° 13' 19"	16° 02' 20"	108° 13' 19"	E-49-85-C-d
đường Duy Tân	KX	P. Hòa Thuận Đông	Q. Hải Châu			16° 03' 05"	108° 12' 07"	16° 03' 01"	108° 13' 13"	E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Hòa Thuận Đông	Q. Hải Châu			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 05' 46"	108° 13' 10"	E-49-85-C-d
cầu Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. Hòa Thuận Đông	Q. Hải Châu	16° 03' 08"	108° 13' 38"					E-49-85-C-d
đường Núi Thành	KX	P. Hòa Thuận Đông	Q. Hải Châu			16° 03' 20"	108° 13' 06"	16° 01' 46"	108° 13' 14"	E-49-85-C-d
đường Trưng Nữ Vương	KX	P. Hòa Thuận Đông	Q. Hải Châu			16° 03' 44"	108° 13' 19"	16° 02' 35"	108° 12' 15"	E-49-85-C-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn Sửa chữa máy bay và Dịch vụ kỹ thuật hàng không 32	KX	P. Hòa Thuận Tây	Q. Hải Châu	16° 03' 23"	108° 11' 32"					E-49-85-C-d
đường Duy Tân	KX	P. Hòa Thuận Tây	Q. Hải Châu			16° 03' 05"	108° 12' 07"	16° 03' 01"	108° 13' 13"	E-49-85-C-d
sân bay Đà Nẵng	KX	P. Hòa Thuận Tây	Q. Hải Châu	16° 02' 42"	108° 11' 51"					E-49-85-C-d
đường Trưng Nữ Vương	KX	P. Hòa Thuận Tây	Q. Hải Châu			16° 03' 44"	108° 13' 19"	16° 02' 35"	108° 12' 15"	E-49-85-C-d
đường Bạch Đằng	KX	P. Nam Dương	Q. Hải Châu			16° 05' 00"	108° 03' 14"	16° 03' 44"	108° 13' 19"	E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Phước Ninh	Q. Hải Châu			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 05' 46"	108° 13' 10"	E-49-85-C-d
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	P. Phước Ninh	Q. Hải Châu			16° 04' 52"	108° 13' 05"	16° 03' 54"	108° 13' 08"	E-49-85-C-d
đường Trần Phú	KX	P. Phước Ninh	Q. Hải Châu			16° 05' 00"	108° 13' 14"	16° 03' 42"	108° 13' 17"	E-49-85-C-d
đường Bạch Đằng	KX	P. Thạch Thang	Q. Hải Châu			16° 05' 00"	108° 03' 14"	16° 03' 44"	108° 13' 19"	E-49-85-C-d
cảng Đà Nẵng	KX	P. Thạch Thang	Q. Hải Châu	16° 04' 51"	108° 13' 23"					E-49-85-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường Đổng Đa	KX	P. Thạch Thang	Q. Hải Châu			16° 05' 00"	108° 13' 14"	16° 04' 24"	108° 12' 40"	E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Thạch Thang	Q. Hải Châu			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 05' 46"	108° 13' 10"	E-49-85-C-d
đường Lê Duẩn	KX	P. Thạch Thang	Q. Hải Châu			16° 04' 23"	108° 13' 23"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d
đường Lê Lợi	KX	P. Thạch Thang	Q. Hải Châu			16° 04' 55"	108° 13' 02"	16° 04' 21"	108° 13' 07"	E-49-85-C-d
đường Nguyễn Chí Thanh	KX	P. Thạch Thang	Q. Hải Châu			16° 04' 52"	108° 13' 05"	16° 03' 54"	108° 13' 08"	E-49-85-C-d
đường Quang Trung	KX	P. Thạch Thang	Q. Hải Châu			16° 04' 36"	108° 13' 20"	16° 04' 28"	108° 12' 39"	E-49-85-C-d
đường Trần Phú	KX	P. Thạch Thang	Q. Hải Châu			16° 05' 00"	108° 13' 14"	16° 03' 42"	108° 13' 17"	E-49-85-C-d
vinh Đà Nẵng	TV	P. Thanh Bình	Q. Hải Châu	16° 08' 20"	108° 10' 48"					E-49-85-C-d
khu dân cư Hải Sơn 1B	DC	P. Thanh Bình	Q. Hải Châu	16° 04' 57"	108° 12' 47"					E-49-85-C-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Thanh Bình	Q. Hải Châu					16° 06' 37"	108° 07' 43"	E-49-85-C-d
đường Quang Trung	KX	P. Thanh Bình	Q. Hải Châu					16° 04' 36"	108° 13' 20"	E-49-85-C-d
đường Bạch Đằng	KX	P. Thuận Phước	Q. Hải Châu					16° 05' 00"	108° 03' 14"	E-49-85-C-d
vinh Đà Nẵng	TV	P. Thuận Phước	Q. Hải Châu	16° 08' 20"	108° 10' 48"					E-49-85-C-d
đường Đổng Đa	KX	P. Thuận Phước	Q. Hải Châu					16° 05' 00"	108° 13' 14"	E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Thuận Phước	Q. Hải Châu					16° 01' 45"	108° 13' 52"	E-49-85-C-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Thuận Phước	Q. Hải Châu					16° 06' 37"	108° 07' 43"	E-49-85-C-d
khu tái định cư Thuận Phước	DC	P. Thuận Phước	Q. Hải Châu	16° 05' 23"	108° 12' 58"					E-49-85-C-d
quốc lộ 1A	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu			16° 11' 18"	108° 07' 44"	15° 56' 52"	108° 13' 08"	E-49-85-C-a; E-49-85-C-b; E-49-85-C-c
Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 07' 56"	108° 06' 39"					E-49-85-C-a
sông Cu Đê	TV	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu			16° 08' 06"	107° 57' 16"	16° 07' 18"	108° 07' 17"	E-49-85-C-c
mũi Cửa Khém*	SV	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 12' 41"	108° 11' 36"					E-49-85-C-b
Cầu Đồi	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 09' 15"	108° 07' 54"					E-49-85-C-b
đèo Hải Vân	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 11' 18"	108° 07' 44"					E-49-85-C-b
hầm Hải Vân	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 10' 29"	108° 06' 13"					E-49-85-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Nhà máy Xi măng Hải Vân	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 07' 51"	108° 07' 17"					E-49-85-C-a
Núi Hoi	SV	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 11' 13"	108° 06' 14"					E-49-85-C-a
ga Kim Liên	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 08' 05"	108° 07' 09"					E-49-85-C-a
khu vực Kim Liên	DC	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 08' 18"	108° 07' 13"					E-49-85-C-a
vùng Kim Liên	TV	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 08' 10"	108° 07' 27"					E-49-85-C-a
cầu Liên Chiểu	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 08' 40"	108° 07' 12"					E-49-85-C-a
núi Nam Hải Vân	SV	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 11' 33"	108° 08' 04"					E-49-85-C-b
cầu Nam Ô	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 07' 21"	108° 07' 15"					E-49-85-C-c
Trường Nghiệp vụ đường sắt 2	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 07' 40"	108° 07' 13"					E-49-85-C-a
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu			16° 08' 40"	108° 07' 12"	16° 07' 25"	108° 07' 13"	E-49-85-C-a; E-49-85-C-c
cầu Số 1	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 09' 46"	108° 06' 19"					E-49-85-C-a
hầm Số 1	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 08' 49"	108° 07' 52"					E-49-85-C-b
cầu Số 2	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 09' 37"	108° 06' 15"					E-49-85-C-a
hầm Số 2	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 10' 24"	108° 08' 27"					E-49-85-C-b
cầu Số 3	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 09' 22"	108° 06' 10"					E-49-85-C-a
hầm Số 3 *	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 12' 05"	108° 08' 49"					E-49-85-C-b
cầu Số 4	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 09' 12"	108° 06' 10"					E-49-85-C-a
cầu Số 5	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 09' 01"	108° 06' 10"					E-49-85-C-a
cầu Số 6	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 08' 52"	108° 06' 12"					E-49-85-C-a
cầu Số 7	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 08' 40"	108° 06' 15"					E-49-85-C-a
cầu Thượng Nam Ô	KX	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 06' 58"	108° 06' 10"					E-49-85-C-c
khu vực Thủy Tú	DC	P. Hòa Hiệp Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 07' 16"	108° 06' 52"					E-49-85-C-c
hồ Bàu Tràm	TV	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu	16° 05' 34"	108° 08' 03"					E-49-85-C-d
sông Cu Đê	TV	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu			16° 08' 06"	107° 57' 16"	16° 07' 18"	108° 07' 17"	E-48-96-D-d; E-49-85-C-a; E-49-85-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu công nghiệp Hòa Khánh cầu Nam Ô khu dân cư Nam Ô 1 khu dân cư Nam Ô 2 đường Nguyễn Lương Bằng đường Nguyễn Tấn Thành Trường Trung cấp xây dựng Miền Trung khu dân cư Xuân Dương núi Xuân Dương đường Âu Cơ khu công nghiệp Hòa Khánh đường Nguyễn Lương Bằng đường Nguyễn Tấn Thành khu dân cư Quang Thành 4A khu dân cư Quang Thành 4B khu dân cư Thanh Vinh khu dân cư Thanh Vinh đường Tôn Đức Thắng Núi Sọ Trung tâm Bảo trợ xã hội thành phố Đà Nẵng	KX	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu	16° 05' 27"	108° 07' 44"					E-49-85-C-d
	KX	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu	16° 07' 21"	108° 07' 15"					E-49-85-C-c
	DC	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu	16° 06' 26"	108° 07' 43"					E-49-85-C-d
	DC	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu	16° 06' 26"	108° 07' 55"					E-49-85-C-d
	KX	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu			16° 07' 18"	108° 07' 17"	16° 04' 22"	108° 08' 55"	E-49-85-C-c; E-49-85-C-d
	KX	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu			16° 06' 37"	108° 07' 42"	16° 05' 19"	108° 12' 48"	E-49-85-C-d
	KX	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu	16° 06' 08"	108° 08' 04"					E-49-85-C-d
	DC	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu	16° 06' 58"	108° 07' 43"					E-49-85-C-d
	SV	P. Hòa Hiệp Nam	Q. Liên Chiểu	16° 07' 08"	108° 07' 48"					E-49-85-C-d; E-49-85-C-c
	KX	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu			16° 04' 22"	108° 08' 54"	16° 00' 50"	108° 02' 39"	E-49-85-C-c
	KX	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 04' 59"	108° 06' 53"					E-49-85-C-a
	KX	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu			16° 07' 18"	108° 07' 17"	16° 04' 22"	108° 08' 55"	E-49-85-C-d
	KX	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu			16° 06' 37"	108° 07' 42"	16° 05' 19"	108° 12' 48"	E-49-85-C-d
	DC	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 05' 26"	108° 08' 49"					E-49-85-C-d
	DC	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 05' 08"	108° 08' 55"					E-49-85-C-d
DC	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 04' 33"	108° 07' 43"					E-49-85-C-d	
DC	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 04' 53"	108° 07' 01"					E-49-85-C-c	
KX	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu			16° 04' 22"	108° 08' 55"	16° 03' 47"	108° 10' 37"	E-49-85-C-d	
SV	P. Hòa Khánh Bắc	Q. Liên Chiểu	16° 04' 06"	108° 07' 13"					E-49-85-C-c	
KX	P. Hòa Khánh Nam	Q. Liên Chiểu		108° 09' 14"					E-49-85-C-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu dân cư Chơn Tâm	DC	P. Hòa Khánh Nam	Q. Liên Chiểu	16° 03' 51"	108° 09' 07"					E-49-85-C-d
khu dân cư Đà Sơn	DC	P. Hòa Khánh Nam	Q. Liên Chiểu	16° 03' 14"	108° 09' 12"					E-49-85-C-d
Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần thành phố Đà Nẵng	KX	P. Hòa Khánh Nam	Q. Liên Chiểu	16° 02' 53"	108° 09' 10"					E-49-85-C-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. Hòa Khánh Nam	Q. Liên Chiểu			16° 04' 22"	108° 08' 55"	16° 03' 47"	108° 10' 37"	E-49-85-C-d
khu dân cư Hòa Mỹ	DC	P. Hòa Minh	Q. Liên Chiểu	16° 03' 53"	108° 10' 22"					E-49-85-C-d
khu dân cư Hòa Phú 1	DC	P. Hòa Minh	Q. Liên Chiểu	16° 04' 20"	108° 09' 52"					E-49-85-C-d
khu dân cư Hòa Phú 2	DC	P. Hòa Minh	Q. Liên Chiểu	16° 05' 07"	108° 09' 20"					E-49-85-C-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Hòa Minh	Q. Liên Chiểu			16° 06' 37"	108° 07' 42"	16° 05' 19"	108° 12' 48"	E-49-85-C-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nước giải khát Cocacola	KX	P. Hòa Minh	Q. Liên Chiểu	16° 03' 46"	108° 09' 43"					E-49-85-C-d
khu dân cư Phước Lý	DC	P. Hòa Minh	Q. Liên Chiểu	16° 03' 06"	108° 09' 41"					E-49-85-C-d
đường Tôn Đức Thắng	KX	P. Hòa Minh	Q. Liên Chiểu			16° 04' 22"	108° 08' 55"	16° 03' 47"	108° 10' 37"	E-49-85-C-d
khu dân cư Trung Nghĩa 1	DC	P. Hòa Minh	Q. Liên Chiểu	16° 03' 38"	108° 10' 17"					E-49-85-C-d
đài Cáp biển Quốc tế	KX	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 58' 18"	108° 16' 56"					D-49-1-B-a
sông Cỏ Cò	TV	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 00' 46"	108° 14' 46"	15° 58' 17"	108° 16' 01"	E-49-85-C-d; D-49-1-B-a
bến Đò Toàn	TV	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 00' 19"	108° 13' 48"	E-49-85-C-d
khu dân cư Đông Hải 1	DC	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 59' 48"	108° 15' 39"					D-49-1-B-a
khu dân cư Đông Hải 2	DC	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 59' 47"	108° 15' 57"					D-49-1-B-a
khu dân cư Đông Trà	DC	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 59' 09"	108° 15' 14"					D-49-1-B-a
đường Lê Văn Hiến	KX	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 02' 20"	108° 14' 29"	15° 59' 52"	108° 15' 27"	D-49-1-B-a
chùa Linh Ứng	KX	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 00' 18"	108° 15' 38"					E-49-85-D-c
Xóm Mới	DC	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 00' 39"	108° 15' 32"					E-49-85-D-c
bãi tắm Non Nước	KX	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 59' 51"	108° 16' 20"					D-49-1-B-a
khu dân cư Sơn Thủy	DC	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 00' 41"	108° 15' 10"					E-49-85-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
khu dân cư Sơn Thủy 2	DC	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 00' 14"	108° 15' 11"					E-49-85-D-c
khu dân cư Tân Trà	DC	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 59' 10"	108° 16' 28"					D-49-1-B-a
đường Trường Sa	KX	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 02' 20"	108° 14' 29"	16° 01' 13"	108° 15' 03"	E-49-85-D-c; D-49-1-B-a
khu du lịch sinh thái Vina Capital	KX	P. Hòa Hải	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 58' 59"	108° 16' 34"					D-49-1-B-a
đường tỉnh 607	KX	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn				108° 15' 26"	15° 58' 25"	108° 15' 11"	D-49-1-B-a
khu dân cư An Lưu	DC	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 58' 09"	108° 13' 03"					D-49-1-A-b
khu dân cư Bá Tung	DC	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 59' 44"	108° 14' 21"					D-49-1-A-b
Sông Cái	TV	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 00' 19"	108° 13' 48"	15° 56' 55"	108° 13' 14"	E-49-85-C-d; D-49-1-A-b
bến Đò Toàn	TV	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 00' 19"	108° 13' 48"	E-49-85-C-d
khu dân cư Hải An	DC	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 58' 28"	108° 14' 22"					D-49-1-A-b
Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin hữu nghị Việt Hàn	KX	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 58' 34"	108° 15' 03"					D-49-1-B-a
khu dân cư Khái Tây	DC	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 58' 19"	108° 13' 44"					D-49-1-A-b
khu dân cư Khái Tây 2	DC	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 59' 08"	108° 14' 16"					D-49-1-A-b
khu dân cư Khuê Đông	DC	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 00' 37"	108° 14' 13"					E-49-85-C-d
khu dân cư Mân Quang	DC	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 59' 03"	108° 13' 26"					D-49-1-A-b
khu dân cư Thị An	DC	P. Hòa Quý	Q. Ngũ Hành Sơn	15° 58' 04"	108° 14' 05"					D-49-1-A-b
khởi phố Đa Mạn	DC	P. Khuê Mỹ	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 01' 37"	108° 14' 41"					E-49-85-C-d
bến Đò Toàn	TV	P. Khuê Mỹ	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 01' 45"	108° 13' 52"	16° 00' 19"	108° 13' 48"	E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Khuê Mỹ	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 05' 46"	108° 13' 10"	16° 01' 45"	108° 13' 52"	E-49-85-C-d
đường Lê Văn Hiến	KX	P. Khuê Mỹ	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 02' 20"	108° 14' 29"	15° 59' 52"	108° 15' 27"	E-49-85-C-d; E-49-85-D-c
làng trẻ em SOS	DC	P. Khuê Mỹ	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 02' 02"	108° 14' 29"					E-49-85-C-d
cầu Tiên Sơn	KX	P. Khuê Mỹ	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 02' 11"	108° 14' 03"					E-49-85-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Sông Hàn	TV	P. Mỹ An	Q. Ngũ Hành Sơn			16° 05' 46"	108° 13' 10"	16° 01' 45"	108° 13' 52"	E-49-85-C-d
Trường Đại học Kinh Tế	KX	P. Mỹ An	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 03' 10"	108° 14' 17"					E-49-85-C-d
cầu Tiên Sơn	KX	P. Mỹ An	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 02' 11"	108° 14' 03"					E-49-85-C-d
cầu Trần Thị Lý	KX	P. Mỹ An	Q. Ngũ Hành Sơn	16° 03' 05"	108° 13' 38"					E-49-85-C-d
khu công nghiệp Đà Nẵng	KX	P. An Hải Bắc	Q. Sơn Trà	16° 04' 58"	108° 14' 10"					E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. An Hải Bắc	Q. Sơn Trà			16° 05' 46"	108° 13' 10"	16° 01' 45"	108° 13' 52"	E-49-85-C-d
đường Ngô Quyền	KX	P. An Hải Bắc	Q. Sơn Trà			16° 03' 15"	108° 14' 06"	16° 06' 10"	108° 14' 44"	E-49-85-C-d
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. An Hải Bắc	Q. Sơn Trà			16° 04' 11"	108° 13' 38"	16° 03' 54"	108° 14' 36"	E-49-85-C-d
đường Ngô Quyền	KX	P. An Hải Đông	Q. Sơn Trà			16° 03' 15"	108° 14' 06"	16° 06' 10"	108° 14' 44"	E-49-85-C-d
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. An Hải Đông	Q. Sơn Trà			16° 04' 07"	108° 13' 51"	16° 03' 54"	108° 14' 36"	E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. An Hải Tây	Q. Sơn Trà			16° 05' 46"	108° 13' 10"	16° 01' 45"	108° 13' 52"	E-49-85-C-d
đường Ngô Quyền	KX	P. An Hải Tây	Q. Sơn Trà	16° 03' 08"	108° 13' 38"					E-49-85-C-d
cầu Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. An Hải Tây	Q. Sơn Trà	16° 05' 27"	108° 14' 47"					E-49-85-C-d
khu dân cư Tân Bình	DC	P. Mân Thái	Q. Sơn Trà			16° 03' 15"	108° 14' 06"	16° 06' 10"	108° 14' 44"	E-49-85-C-d
Sông Hàn	TV	P. Nại Hiền Đông	Q. Sơn Trà			16° 05' 46"	108° 13' 10"	16° 01' 45"	108° 13' 52"	E-49-85-C-d
khu dân cư Nại Hưng 1	DC	P. Nại Hiền Đông	Q. Sơn Trà	16° 05' 32"	108° 13' 37"					E-49-85-C-d
bãi tắm Mỹ Khê	KX	P. Phước Mỹ	Q. Sơn Trà	16° 03' 42"	108° 14' 44"					E-49-85-C-d
khu dân cư Mỹ Tân	DC	P. Phước Mỹ	Q. Sơn Trà	16° 03' 37"	108° 14' 39"					E-49-85-C-d
khu dân cư Mỹ Thanh	DC	P. Phước Mỹ	Q. Sơn Trà	16° 03' 48"	108° 14' 39"					E-49-85-C-d
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Phước Mỹ	Q. Sơn Trà			16° 04' 11"	108° 13' 38"	16° 03' 54"	108° 14' 36"	E-49-85-C-d
khu dân cư Phước Trường	DC	P. Phước Mỹ	Q. Sơn Trà	16° 04' 20"	108° 14' 32"					E-49-85-C-d
quốc lộ 14B	KX	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà			16° 07' 25"	108° 12' 41"	15° 56' 00"	108° 07' 52"	E-49-85-C-d
Bãi Bắc	KX	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 07' 28"	108° 18' 22"					E-49-85-D-c
trạm thu phát sóng Đài Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng	KX	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 06' 57"	108° 14' 56"					E-49-85-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
vịnh Đà Nẵng	TV	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 08' 20"	108° 10' 48"					E-49-85-C-b; E-49-85-C-d
mũi Đà Nẵng	SV	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 07' 07"	108° 20' 15"					E-49-85-D-c
Hải Đồi 2	DC	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 07' 03"	108° 13' 49"					E-49-85-C-d
khu dân cư Mân Quang 2	DC	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 05' 51"	108° 14' 31"					E-49-85-C-d
Bãi Nam	KX	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 06' 18"	108° 17' 53"					E-49-85-D-c
núi Sơn Trà	SV	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 08' 30"	108° 15' 10"					E-49-85-D-a
núi Sơn Trà	SV	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 07' 46"	108° 19' 14"					E-49-85-D-a
núi Sơn Trà	SV	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 07' 14"	108° 17' 05"					E-49-85-D-c
khu dân cư Thành Vinh 2	DC	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 06' 10"	108° 15' 04"					E-49-85-D-c
cảng Tiên Sa	KX	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 07' 05"	108° 12' 47"					E-49-85-C-d
nhà khách Vùng 3	KX	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 07' 02"	108° 14' 16"					E-49-85-C-d
Nhà máy X50	KX	P. Thọ Quang	Q. Sơn Trà	16° 06' 39"	108° 14' 29"					E-49-85-C-d
sân bay Đà Nẵng	KX	P. An Khê	Q. Thanh Khê	16° 02' 42"	108° 11' 51"					E-49-85-C-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. An Khê	Q. Thanh Khê			16° 03' 47"	108° 10' 37"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d
khu dân cư Tân An	DC	P. An Khê	Q. Thanh Khê	16° 02' 37"	108° 11' 08"					E-49-85-C-d
khu dân cư Tân Hòa	DC	P. An Khê	Q. Thanh Khê	16° 02' 12"	108° 11' 14"					E-49-85-C-d
khu dân cư Thuận An	DC	P. An Khê	Q. Thanh Khê	16° 03' 08"	108° 11' 02"					E-49-85-C-d
đường Trường Chinh	KX	P. An Khê	Q. Thanh Khê			16° 03' 47"	108° 10' 37"	16° 00' 05"	108° 11' 20"	E-49-85-C-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Chính Gián	Q. Thanh Khê			16° 03' 47"	108° 10' 37"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Hòa Khê	Q. Thanh Khê			16° 03' 47"	108° 10' 37"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Tam Thuận	Q. Thanh Khê			16° 06' 37"	108° 07' 42"	16° 05' 19"	108° 12' 48"	E-49-85-C-d
đường Trần Cao Vân	KX	P. Tam Thuận	Q. Thanh Khê			16° 04' 07"	108° 10' 49"	16° 04' 28"	108° 12' 39"	E-49-85-C-d
đường Lê Duẩn	KX	P. Tân Chính	Q. Thanh Khê			16° 04' 22"	108° 13' 23"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d
công viên 29-3	KX	P. Thạc Gián	Q. Thanh Khê	16° 03' 53"	108° 12' 12"					E-49-85-C-d
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Thạc Gián	Q. Thanh Khê			16° 03' 47"	108° 10' 37"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d
đường Hoàng Hoa Thám	KX	P. Thạc Gián	Q. Thanh Khê			16° 04' 03"	108° 12' 30"	16° 03' 40"	108° 12' 33"	E-49-85-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)			
đường Lê Duẩn	KX	P. Thạc Gián	Q. Thanh Khê			16° 04' 22"	108° 13' 23"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d		
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Thạc Gián	Q. Thanh Khê			16° 04' 02"	108° 12' 17"	16° 04' 03"	108° 12' 30"	E-49-85-C-d		
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Thanh Khê Đông	Q. Thanh Khê			16° 03' 47"	108° 10' 37"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d		
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Thanh Khê Đông	Q. Thanh Khê			16° 06' 37"	108° 07' 42"	16° 05' 19"	108° 12' 48"	E-49-85-C-d		
cầu Phú Lộc	KX	P. Thanh Khê Đông	Q. Thanh Khê	16° 04' 12"	108° 10' 46"					E-49-85-C-d		
đường Trần Cao Vân	KX	P. Thanh Khê Đông	Q. Thanh Khê			16° 04' 07"	108° 10' 49"	16° 04' 28"	108° 12' 39"	E-49-85-C-d		
Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng	KX	P. Thanh Khê Tây	Q. Thanh Khê	16° 04' 22"	108° 10' 32"					E-49-85-C-d		
đường Điện Biên Phủ	KX	P. Thanh Khê Tây	Q. Thanh Khê			16° 03' 47"	108° 10' 37"	16° 04' 02"	108° 12' 17"	E-49-85-C-d		
khu vực 1	DC	P. Thanh Khê Tây	Q. Thanh Khê	16° 03' 55"	108° 10' 34"					E-49-85-C-d		
khu vực 4	DC	P. Thanh Khê Tây	Q. Thanh Khê	16° 04' 40"	108° 10' 17"					E-49-85-C-d		
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Thanh Khê Tây	Q. Thanh Khê			16° 06' 37"	108° 07' 42"	16° 05' 19"	108° 12' 48"	E-49-85-C-d		
cầu Phú Lộc	KX	P. Thanh Khê Tây	Q. Thanh Khê	16° 04' 12"	108° 10' 46"					E-49-85-C-d		
đường Trần Cao Vân	KX	P. Thanh Khê Tây	Q. Thanh Khê			16° 04' 07"	108° 10' 49"	16° 04' 28"	108° 12' 39"	E-49-85-C-d		
đường Hoàng Hoa Thám	KX	P. Vĩnh Trung	Q. Thanh Khê			16° 04' 03"	108° 12' 30"	16° 03' 40"	108° 12' 33"	E-49-85-C-d		
đường Hùng Vương	KX	P. Vĩnh Trung	Q. Thanh Khê			16° 04' 11"	108° 13' 23"	16° 04' 03"	108° 12' 30"	E-49-85-C-d		
đường Nguyễn Tất Thành	KX	P. Xuân Hà	Q. Thanh Khê			16° 06' 37"	108° 07' 42"	16° 05' 19"	108° 12' 48"	E-49-85-C-d		
đường Trần Cao Vân	KX	P. Xuân Hà	Q. Thanh Khê			16° 04' 07"	108° 10' 49"	16° 04' 28"	108° 12' 39"	E-49-85-C-d		
quốc lộ 14B	KX	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 07' 25"	108° 12' 41"	15° 56' 00"	108° 07' 52"	E-48-96-D-a; E-48-96-D-b; E-48-96-D-d		
												E-48-96-D-d
						16° 08' 31"	113° 51' 22"	16° 04' 11"	108° 06' 18"	E-49-85-C-a; E-49-85-C-c		
đường tỉnh 601	KX	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang							E-49-85-C-a		
thôn An Định	DC	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 08' 30"	108° 03' 37"					E-48-96-D-b		
khe An Khê	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 09' 19"	107° 58' 13"	16° 08' 31"	107° 58' 20"	E-48-96-D-d		
Khe Áo	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 05' 53"	107° 59' 13"	16° 06' 59"	107° 58' 47"	E-48-96-D-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Ba Viên	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 06' 31"	108° 02' 45"					E-49-85-C-c
núi Ba Yé	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 10' 10"	107° 52' 44"					E-48-96-D-b
Sông Bắc	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 08' 54"	107° 56' 10"	16° 08' 06"	107° 57' 16"	E-48-96-D-b
Khe Bao	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 06' 04"	107° 52' 09"	16° 05' 28"	107° 54' 34"	E-48-96-D-c; E-48-96-D-d
núi Cai Tong	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 12' 54"	107° 59' 11"					E-48-96-D-b
Hòn Cao	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 08' 13"	107° 59' 55"					E-48-96-D-b
núi Cà Nhông	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 03' 09"	107° 55' 39"					E-48-96-D-d
Khe Chua	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 09' 57"	108° 04' 57"	16° 09' 15"	108° 04' 51"	E-49-85-C-a
sông Cu Đê	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 08' 06"	107° 57' 16"	16° 07' 18"	108° 07' 17"	E-48-96-D-b; E-48-96-D-d; E-49-85-C-a; E-49-85-C-c
núi Diao	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 08' 08"	107° 55' 54"					E-48-96-D-b
khe Đá Mài	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 09' 31"	107° 52' 56"	16° 08' 30"	107° 51' 34"	E-48-96-D-a; E-48-96-D-b
Khe Đào	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 06' 18"	108° 00' 29"	16° 07' 42"	108° 00' 19"	E-49-85-C-a; E-49-85-C-c
núi Đầm 14	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 12' 55"	107° 54' 44"					E-48-96-D-b
đèo Đê Bay	KX	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 08' 16"	107° 51' 48"					E-48-96-D-a
núi Đồng Đen	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 06' 30"	108° 02' 13"					E-49-85-C-c
Khe Đường	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 04' 55"	107° 58' 34"	16° 06' 49"	107° 57' 35"	E-48-96-D-d
thôn Giản Bí	DC	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 07' 00"	113° 59' 01"					E-48-96-D-d
núi Hoi Mít	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 11' 41"	108° 00' 49"					E-49-85-C-a
núi Hòn Cao	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 08' 35"	108° 00' 30"					E-49-85-C-a
núi Hòn Cháy	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 12' 23"	108° 00' 13"					E-49-85-C-a
núi Hồng Chan	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 12' 00"	107° 58' 13"					E-48-96-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
núi Hồng Lại	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 07' 41"	108° 01' 52"					E-49-85-C-a
khe Hội Yên	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 09' 52"	108° 03' 37"	16° 08' 16"	108° 03' 32"	E-49-85-C-a
núi Khe Bao	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 05' 31"	107° 51' 56"					E-48-96-D-c
núi Khe Dương	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 05' 17"	107° 57' 34"					E-48-96-D-d
núi Khe Kha To	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 06' 13"	107° 52' 58"					E-48-96-D-d
núi Khe La Vong	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 10' 46"	107° 57' 29"					E-48-96-D-b
núi Khe Trai	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 06' 25"	107° 58' 00"					E-48-96-D-d
núi Khe Xương	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 03' 54"	107° 57' 14"					E-48-96-D-d
núi La Vững	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 10' 13"	107° 57' 02"					E-48-96-D-b
Khe Lăn	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 04' 52"	107° 50' 39"	16° 03' 26"	107° 54' 06"	E-48-96-D-c; E-48-96-D-d
thôn Lộc Mỹ	DC	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 08' 36"	108° 01' 10"					E-49-85-C-a
núi Lưu Hương	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 12' 26"	107° 53' 18"					E-48-96-D-b
Khe Môn	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 11' 22"	107° 59' 39"	16° 10' 41"	107° 59' 45"	E-48-96-D-b
Khe Mun	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 10' 41"	107° 59' 45"	16° 08' 23"	107° 58' 45"	E-48-96-D-b
đèo Mũi Trâu	KX	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 07' 15"	107° 56' 58"					E-48-96-D-d
khe Nà Sim	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 06' 34"	107° 53' 37"	16° 07' 18"	107° 54' 44"	E-48-96-D-d
khe Na Vong	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 10' 44"	107° 56' 51"	16° 08' 56"	107° 56' 13"	E-48-96-D-b
Sông Nam	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 05' 03"	107° 54' 35"	16° 07' 16"	107° 58' 55"	E-48-96-D-d
thôn Nam Mỹ	DC	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 08' 02"	108° 01' 25"					E-49-85-C-a
thôn Nam Yên	DC	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 08' 08"	108° 02' 49"					E-49-85-C-a
thôn Phò Nam	DC	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 07' 38"	108° 03' 10"					E-49-85-C-a
sông Ra O	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 04' 00"	107° 56' 24"	16° 03' 26"	107° 54' 06"	E-48-96-D-d
Khe Rằm	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 09' 15"	108° 04' 51"	16° 08' 06"	108° 03' 45"	E-49-85-C-a
dãy núi Răng Cưa	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 12' 11"	107° 55' 21"					E-48-96-D-b
Núi Rong	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 07' 44"	107° 51' 15"					E-48-96-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
Khe Soóc	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 06' 57"	107° 51' 29"	16° 08' 14"	107° 51' 45"	E-48-96-D-a; E-48-96-D-c
khe Suối Cây	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 09' 45"	108° 01' 58"	16° 08' 19"	108° 01' 51"	E-49-85-C-a
núi Ta Na Ó	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 08' 07"	107° 52' 49"					E-48-96-D-b
sông Ta Nao	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 07' 49"	107° 53' 23"	16° 07' 28"	107° 55' 13"	E-48-96-D-b; E-48-96-D-d
núi Tà Lang	SV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 07' 04"	107° 56' 23"					E-48-96-D-d
thôn Tà Lang	DC	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang	16° 07' 05"	113° 58' 46"					E-48-96-D-d
Khe Trí	TV	xã Hòa Bắc	H. Hòa Vang			16° 07' 04"	108° 01' 10"	16° 07' 46"	108° 01' 00"	E-49-85-C-a; E-49-85-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang			16° 11' 18"	108° 07' 44"	15° 56' 52"	108° 13' 08"	E-49-85-C-d; D-49-1-A-b
cầu Bến Bát	KX	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	15° 59' 29"	108° 10' 56"					D-49-1-A-b
cầu Cẩm Lệ	KX	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	16° 00' 34"	108° 12' 19"					E-49-85-C-d
thôn Cẩm Nam	DC	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	16° 00' 09"	108° 12' 20"					E-49-85-C-d
sông Cầu Đỏ	TV	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang			15° 59' 40"	108° 09' 43"	16° 01' 04"	108° 12' 46"	D-49-1-A-b; E-49-85-C-d
thôn Dương Sơn	DC	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	15° 58' 34"	108° 11' 05"					D-49-1-A-b
Cầu Đen	KX	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	15° 59' 36"	108° 11' 34"					E-49-85-C-d
Cầu Đỏ	KX	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	16° 00' 02"	108° 11' 21"					E-49-85-C-d
thôn Đông Hòa	DC	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	15° 59' 52"	108° 11' 33"					D-49-1-A-b
thôn Giảng Đông	DC	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	15° 57' 54"	108° 11' 26"					D-49-1-A-b
thôn Phong Nam	DC	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	15° 59' 05"	108° 11' 21"					D-49-1-A-b
thôn Quang Châu	DC	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	15° 58' 37"	108° 11' 47"					D-49-1-A-b
thôn Tây An	DC	xã Hòa Châu	H. Hòa Vang	15° 59' 40"	108° 11' 07"					D-49-1-A-b
quốc lộ 14B	KX	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang			16° 07' 25"	108° 12' 41"	15° 56' 00"	108° 07' 52"	D-49-1-A-b
Thôn 5	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 57' 37"	108° 07' 01"					D-49-1-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
hồ Đồng Nghệ	TV	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 57' 05"	108° 04' 18"					D-49-1-A-a
thôn Gò Hà	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 58' 06"	108° 08' 42"					D-49-1-A-b
thôn Hương Lam	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 58' 19"	108° 07' 54"					D-49-1-A-b
thôn La Châu	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 58' 15"	108° 09' 16"					D-49-1-A-b
thôn La Châu Bắc	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 58' 37"	108° 09' 09"					D-49-1-A-b
thôn Phú Sơn 1	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 56' 38"	108° 08' 27"					D-49-1-A-b
thôn Phú Sơn 2	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 57' 17"	108° 08' 00"					D-49-1-A-b
thôn Phú Sơn 3	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 58' 08"	108° 08' 11"					D-49-1-A-b
thôn Phú Sơn Nam	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 56' 02"	108° 08' 05"					D-49-1-A-b
thôn Phú Sơn Tây	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 57' 43"	108° 08' 09"					D-49-1-A-b
thôn Phước Sơn	DC	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 57' 43"	108° 05' 52"					D-49-1-A-a
núi Sơn Gà	SV	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang	15° 56' 09"	108° 05' 15"					D-49-1-A-a
Sông Yên	TV	xã Hòa Khương	H. Hòa Vang			15° 59' 40"	108° 09' 43"	15° 56' 04"	108° 08' 43"	D-49-1-A-b
đường tỉnh 601	KX	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang			16° 08' 31"	113° 51' 22"	16° 04' 11"	108° 06' 18"	E-49-85-C-c
núi Ba Viên	SV	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 06' 31"	108° 02' 45"					E-49-85-C-c
sông Cu Đê	TV	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang			16° 08' 06"	107° 57' 16"	16° 07' 18"	108° 07' 17"	E-49-85-C-c
núi Đồng Đen	SV	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 06' 30"	108° 02' 13"					E-49-85-C-c
đường hầm Hải Vân Túy Loan	KX	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang			16° 11' 15"	108° 05' 59"	16° 00' 16"	108° 08' 44"	E-49-85-C-c
thôn Hiền Phước	DC	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 04' 36"	108° 05' 04"					E-49-85-C-c
hồ Hòa Trung	TV	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 04' 48"	108° 03' 09"					E-49-85-C-c
thôn Hương Phước	DC	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 04' 50"	108° 05' 44"					E-49-85-C-c
cầu Kilômet 7+420	KX	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 04' 44"	108° 05' 04"					E-49-85-C-c
cầu Kilômet 7+441	KX	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 04' 39"	108° 05' 08"					E-49-85-C-c
thôn Quan Nam 1	DC	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 05' 52"	108° 05' 33"					E-49-85-C-c
thôn Quan Nam 2	DC	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 06' 03"	108° 06' 26"					E-49-85-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Quan Nam 4	DC	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 05' 11"	108° 05' 36"					E-49-85-C-c
thôn Tân Ninh	DC	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 04' 47"	108° 04' 40"					E-49-85-C-c
cầu Thủy Tú	KX	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 06' 23"	108° 05' 59"					E-49-85-C-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 05' 42"	108° 06' 43"					E-49-85-C-c
thôn Trường Định	DC	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 06' 42"	108° 05' 12"					E-49-85-C-c
thôn Vân Dương 1	DC	xã Hòa Liên	H. Hòa Vang	16° 05' 18"	108° 06' 04"					E-49-85-C-c
quốc lộ 14B	KX	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang			16° 07' 25"	108° 12' 41"	15° 56' 00"	108° 07' 52"	E-49-85-C-d
thôn Diêu Phong	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 05"	108° 05' 30"					E-49-85-C-c
núi Dương Bó Lồng	SV	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 01' 35"	108° 05' 00"					E-49-85-C-c
Cầu Giảng	KX	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 01"	108° 08' 22"					E-49-85-C-d
đường hầm Hải Vân Tụy Loan	KX	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang			16° 11' 15"	108° 05' 59"	16° 00' 16"	108° 08' 44"	E-49-85-C-c; E-49-85-C-d
thôn Hòa Khương Đông	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 01' 01"	108° 07' 50"					E-49-85-C-d
thôn Hòa Khương Tây	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 01' 00"	108° 07' 43"					E-49-85-C-d
sông Hội Phước	TV	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang			16° 00' 15"	108° 04' 21"	15° 59' 55"	108° 05' 09"	E-49-85-C-c; D-49-1-A-a
cầu Kilômet 18	KX	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 18"	108° 08' 40"					E-49-85-C-d
thôn Ninh An	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 21"	108° 06' 31"					E-49-85-C-c
thôn Phú Hòa 1	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 01"	108° 08' 39"					E-49-85-C-d
thôn Phú Hòa 2	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 02"	108° 08' 33"					E-49-85-C-d
thôn Phước Hậu	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 01' 21"	108° 07' 56"					E-49-85-C-d
thôn Phước Hưng	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 56"	108° 07' 14"					E-49-85-C-c
thôn Phước Hưng Nam	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 27"	108° 07' 02"					E-49-85-C-c
thôn Phước Thái	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 50"	108° 07' 50"					E-49-85-C-d
thôn Phước Thuận	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 01' 19"	108° 08' 20"					E-49-85-C-d
núi Phước Tường	SV	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 01' 43"	108° 09' 46"					E-49-85-C-d
thôn Thạch Nham Đông	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 39"	108° 09' 10"					E-49-85-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Thạch Nham Tây	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 30"	108° 08' 48"					E-49-85-C-d
thôn Thái Lai	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 26"	108° 07' 38"					E-49-85-C-d
hồ Trước Đông	TV	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 57"	108° 05' 45"					E-49-85-C-c
thôn Trước Đông	DC	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	16° 00' 37"	108° 06' 14"					E-49-85-C-c
cầu Tuy Loan	KX	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang	15° 59' 39"	108° 08' 32"					D-49-1-A-b
sông Tuy Loan	TV	xã Hòa Nhon	H. Hòa Vang			15° 59' 55"	108° 05' 09"	15° 59' 40"	108° 09' 43"	E-49-85-C-c; E-49-85-C-d; D-49-1-A-a; D-49-1-A-b
										E-49-85-C-c
Thôn 1	DC	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 03' 45"	108° 02' 42"					E-49-85-C-c
đường tỉnh 602	KX	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang			16° 04' 22"	108° 08' 54"	16° 00' 50"	108° 02' 39"	E-49-85-C-c
sông An Lợi	TV	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang			16° 02' 48"	108° 00' 10"	16° 01' 32"	108° 01' 59"	E-49-85-C-c
cầu An Sơn	KX	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 01' 31"	108° 03' 31"					E-49-85-C-c
thôn An Sơn	DC	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 01' 31"	108° 03' 41"					E-49-85-C-c
khu du lịch Bà Nà	KX	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	15° 59' 47"	107° 59' 26"					D-48-12-B-b
Núi Chúa	SV	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 00' 22"	107° 58' 49"					E-48-96-D-d
thôn Đông Sơn	DC	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 02' 53"	108° 03' 58"					E-49-85-C-c
núi Đồng Đen	SV	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 06' 30"	108° 02' 13"					E-49-85-C-c
núi Hầm Vàng	SV	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 02' 41"	108° 04' 58"					E-49-85-C-c
thôn Hòa Trung	DC	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 03' 36"	108° 02' 46"					E-49-85-C-c
thôn Mỹ Sơn	DC	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 03' 55"	108° 03' 51"					E-49-85-C-c
Thôn Năm	DC	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 04' 06"	108° 03' 02"					E-49-85-C-c
đèo Ông Gấm	KX	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 03' 24"	108° 05' 13"					E-49-85-C-c
thôn Sơn Phước	DC	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 03' 29"	108° 04' 26"					E-49-85-C-c
khu du lịch Suối Mơ	KX	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 01' 34"	108° 02' 23"					E-49-85-C-c
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang	16° 03' 16"	108° 02' 45"					E-49-85-C-c
sông Tuy Loan	TV	xã Hòa Ninh	H. Hòa Vang			15° 59' 55"	108° 05' 09"	15° 59' 40"	108° 09' 43"	E-49-85-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
quốc lộ 14B	KX	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang			16° 07' 25"	108° 12' 41"	15° 56' 00"	108° 07' 52"	D-49-1-A-b E-49-85-C-c; E-49-85-C-d; D-49-1-A-a; D-49-1-A-b D-49-1-A-a
quốc lộ 14G	KX	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang			15° 57' 30"	113° 57' 03"	15° 59' 56"	108° 08' 09"	
thôn An Tân	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 45"	108° 07' 23"					D-49-1-A-a
thôn Bồ Bản 1	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 36"	108° 08' 46"					D-49-1-A-b
thôn Bồ Bản 2	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 34"	108° 09' 10"					D-49-1-A-b
thôn Cẩm Toại Đông	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 58' 52"	108° 09' 05"					D-49-1-A-b
thôn Cẩm Toại Tây	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 58' 44"	108° 07' 15"					D-49-1-A-a
thôn Cẩm Toại Trung	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 04"	108° 08' 08"					D-49-1-A-b
cầu Cống Một	KX	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 22"	108° 08' 25"					D-49-1-A-b
thôn Dương Lâm 1	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 58' 58"	108° 08' 47"					D-49-1-A-b
thôn Dương Lâm 2	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 25"	108° 07' 08"					D-49-1-A-a
Cầu Giảng	KX	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	16° 00' 01"	108° 08' 22"					E-49-85-C-d
hồ Hóc Khế	TV	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 25"	108° 05' 47"					D-49-1-A-b
thôn Khương Mỹ	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 12"	108° 06' 34"					D-49-1-A-a
Cầu Lồng	KX	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 58' 44"	108° 08' 15"					D-49-1-A-b
thôn Nam Thành	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 58' 24"	108° 06' 02"					D-49-1-A-a
Cầu Phẳng	KX	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 10"	108° 08' 15"					D-49-1-A-b
cầu Qua Kênh	KX	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 27"	108° 08' 13"					D-49-1-A-b
cầu Sông Yên	KX	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 58' 56"	108° 09' 14"					D-49-1-A-b
cầu Tuy Loan	KX	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 39"	108° 08' 32"					D-49-1-A-b
sông Tuy Loan	TV	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang			15° 59' 55"	108° 05' 09"	15° 59' 40"	108° 09' 43"	E-49-85-C-c; E-49-85-C-d; D-49-1-A-a; D-49-1-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
thôn Túc Loan Đông 2	DC	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang	15° 59' 41"	108° 08' 13"					D-49-1-A-b
Sông Yên	TV	xã Hòa Phong	H. Hòa Vang			15° 59' 40"	108° 09' 43"	15° 56' 04"	108° 08' 43"	D-49-1-A-b
quốc lộ 14G	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang			15° 57' 30"	113° 57' 03"	15° 59' 56"	108° 08' 09"	D-48-12-B-b; D-49-1-A-a
thôn An Châu	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 33"	108° 05' 43"					D-49-1-A-a
khu du lịch Bà Nà	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 59' 47"	107° 59' 26"					D-48-12-B-b
thôn Đông Lâm	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 59' 06"	108° 04' 03"					D-49-1-A-b
thôn Đông Lâm	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 59' 28"	108° 04' 17"					D-49-1-A-b
thôn Đông Lăng	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 59' 56"	108° 04' 44"					D-49-1-A-a
hồ Đồng Tréo	TV	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 43"	108° 04' 32"					D-49-1-A-a
thôn Hòa Hải	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 54"	108° 03' 23"					D-49-1-A-a
thôn Hòa Phát	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 59' 50"	108° 03' 41"					D-49-1-A-b
thôn Hòa Phước	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 59' 39"	108° 05' 09"					D-49-1-A-b
thôn Hòa Thọ	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 53"	108° 04' 58"					D-49-1-A-a
thôn Hòa Xuân	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	16° 00' 40"	108° 04' 04"					E-49-85-C-c
núi Hòn Áng	SV	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 57"	107° 59' 39"					D-48-12-B-b
núi Hòn Vòng	SV	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 33"	108° 03' 53"					D-49-1-A-a
sông Hội Phước	TV	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang			16° 00' 15"	108° 04' 21"	15° 59' 55"	108° 05' 09"	E-49-85-C-c; D-49-1-A-a
thôn Hội Phước	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 59' 58"	108° 04' 16"					D-49-1-A-a
cầu Kilômet 21	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 57' 26"	107° 58' 11"					D-48-12-B-b
cầu Kilômet 22	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 57' 22"	107° 57' 51"					D-48-12-B-b
cầu Kilômet 22+500	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 57' 18"	107° 57' 41"					D-48-12-B-b
sông Lỗ Đông	TV	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang			15° 57' 21"	107° 57' 07"	15° 59' 55"	108° 05' 09"	D-48-12-B-b; D-49-1-A-a
cầu Ngâm Đồi	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 03"	108° 01' 13"					D-49-1-A-a
khu du lịch Ngâm Đồi	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 57' 54"	108° 01' 28"					D-49-1-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
cầu Nước Ngọt	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 54"	108° 03' 37"					D-49-1-A-a
Trại nuôi giống Đa điều	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	16° 00' 24"	108° 03' 29"					D-49-1-A-a
thôn Phú Túc	DC	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 10"	108° 02' 40"					D-49-1-A-a
Trường Giáo dưỡng Số 3	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 39"	108° 02' 35"					D-49-1-A-a
khu du lịch Suối Hoa	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 57' 38"	107° 59' 36"					D-48-12-B-b
khu du lịch Suối Lâm Viên	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 58' 07"	108° 00' 36"					D-49-1-A-a
Cầu Trắng	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 59' 00"	108° 04' 38"					D-49-1-A-a
sông Túy Loan	TV	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang			15° 59' 55"	108° 05' 09"	15° 59' 40"	108° 09' 43"	E-49-85-C-c; D-49-1-A-a
cầu U1	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 57' 57"	108° 00' 38"					D-49-1-A-a
cầu U2	KX	xã Hòa Phú	H. Hòa Vang	15° 57' 28"	107° 59' 01"					D-49-1-A-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang			16° 11' 18"	108° 07' 44"	15° 56' 52"	108° 13' 08"	D-48-12-B-b D-49-1-A-b
Cầu Bàn	KX	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 59' 04"	108° 12' 11"					D-49-1-A-b
chùa Bảo Minh	KX	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 58' 57"	108° 12' 22"					D-49-1-A-b
Sông Cái	TV	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang			16° 00' 19"	108° 13' 48"	15° 56' 55"	108° 13' 14"	D-49-1-A-b
thôn Cồn Mang	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 58' 44"	108° 12' 10"					D-49-1-A-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn Đức Minh	KX	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 58' 30"	108° 12' 22"					D-49-1-A-b
thôn Giảng Nam 1	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 57' 38"	108° 13' 08"					D-49-1-A-b
thôn Giảng Nam 2	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 57' 10"	108° 13' 08"					D-49-1-A-b
chùa Hòa Phước	KX	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 57' 22"	108° 12' 50"					D-49-1-A-b
thôn Miếu Bông	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 58' 51"	108° 12' 11"					D-49-1-A-b
thôn Nhơn Thọ 1	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 57' 31"	108° 12' 24"					D-49-1-A-b
thôn Nhơn Thọ 2	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 57' 29"	108° 12' 46"					D-49-1-A-b
cầu Quá Giảng	KX	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 58' 24"	108° 12' 25"					D-49-1-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
sông Quá Giảng	TV	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang			15° 58' 22"	108° 12' 52"	15° 57' 09"	108° 12' 09"	D-49-1-A-b
thôn Quá Giảng 1	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 57' 42"	108° 12' 22"					D-49-1-A-b
thôn Quá Giảng 2	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 57' 55"	108° 12' 23"					D-49-1-A-b
thôn Tân Hạnh	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 57' 10"	108° 12' 22"					D-49-1-A-b
thôn Trà Kiềm	DC	xã Hòa Phước	H. Hòa Vang	15° 57' 28"	108° 13' 03"					D-49-1-A-b
đường tỉnh 602	KX	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang			16° 04' 22"	108° 08' 54"	16° 00' 50"	108° 02' 39"	E-49-85-C-c
núi An Ngãi	SV	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 04' 05"	108° 06' 48"					E-49-85-C-c
thôn An Ngãi Đông	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 04' 30"	108° 06' 38"					E-49-85-C-c
thôn An Ngãi Tây 1	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 04' 07"	108° 06' 18"					E-49-85-C-c
thôn An Ngãi Tây 2	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 04' 21"	108° 06' 13"					E-49-85-C-c
thôn An Ngãi Tây 3	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 04' 17"	108° 05' 45"					E-49-85-C-c
thôn Đại La	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 01' 59"	108° 07' 04"					E-49-85-C-c
đường hầm Hải Vân Tụy Loan	KX	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang			16° 11' 15"	108° 05' 59"	16° 00' 16"	108° 08' 44"	E-49-85-C-c
núi Hàm Vàng	SV	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 02' 41"	108° 04' 58"					E-49-85-C-c
khu công nghiệp Hòa Khánh	KX	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 04' 59"	108° 06' 53"					E-49-85-C-a
thôn Hòa Khê	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 03' 32"	108° 06' 59"					E-49-85-C-c
Trại giam Hòa Sơn	KX	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 04' 48"	108° 06' 46"					E-49-85-C-c
thôn Phú Hạ	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 02' 18"	108° 06' 18"					E-49-85-C-c
thôn Phú Thượng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 03' 14"	108° 06' 18"					E-49-85-C-c
Núi Sọ	SV	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 04' 06"	108° 07' 13"					E-49-85-C-c
nghĩa trang thành phố Đà Nẵng	KX	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 03' 41"	108° 06' 41"					E-49-85-C-c
Cầu Trung	KX	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 03' 07"	108° 06' 12"					E-49-85-C-c
thôn Tùng Sơn	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 03' 50"	108° 05' 42"					E-49-85-C-c
thôn Xuân Phú	DC	xã Hòa Sơn	H. Hòa Vang	16° 02' 43"	108° 06' 05"					E-49-85-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	Vĩ độ (Độ, phút, giây)	Kinh độ (Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 605	KX	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang			15° 59' 42"	108° 11' 27"	15° 56' 52"	108° 10' 47"	D-49-1-A-b
thôn An Trạch	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 57' 28"	108° 09' 40"					D-49-1-A-b
thôn Bắc An	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 58' 52"	108° 09' 17"					D-49-1-A-b
cầu Bến Bát	KX	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 59' 29"	108° 10' 56"					D-49-1-A-b
thôn Cẩm Né	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 59' 15"	108° 10' 28"					D-49-1-A-b
sông Cầu Đồ	TV	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang			15° 59' 40"	108° 09' 43"	16° 01' 04"	108° 12' 46"	D-49-1-A-b
thôn Dương Sơn	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 58' 46"	108° 10' 50"					D-49-1-A-b
thôn La Bông	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 58' 23"	108° 10' 08"					D-49-1-A-b
thôn Lê Sơn 1	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 57' 53"	108° 10' 39"					D-49-1-A-b
thôn Lê Sơn 2	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 57' 36"	108° 09' 58"					D-49-1-A-b
ga Lê Trạch	KX	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 58' 18"	108° 10' 51"					D-49-1-A-b
thôn Nam Sơn	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 56' 44"	108° 10' 13"					D-49-1-A-b
cầu Sông Yên	KX	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 58' 56"	108° 09' 14"					D-49-1-A-b
thôn Thạch Bò	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 58' 59"	108° 09' 24"					D-49-1-A-b
Sông Yên	TV	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang			15° 59' 40"	108° 09' 43"	15° 56' 04"	108° 08' 43"	D-49-1-A-b
thôn Yên Nê 1	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 58' 33"	108° 10' 24"					D-49-1-A-b
thôn Yên Nê 2	DC	xã Hòa Tiến	H. Hòa Vang	15° 58' 42"	108° 10' 15"					D-49-1-A-b

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc